CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bê tông Phan Vũ Hà Nam

Ngày 30/06/2025	4,060 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.5%	**7.4%**	**24.5%**

DT thuần
Q2/25
116
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.00| 3.8%
YoY: ▼49.0| -29.5%

LN thuần
Q2/25
5.45
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.05| -0.9%
YoY: ▲ 15.9| 152%

LN sau thuế
Q2/25
4.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.04| -0.9%
YoY: ▲ 14.1| 145%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.7%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE (TTM)
Q2/25
3.7%
YoY: +/-▲ 2.8%

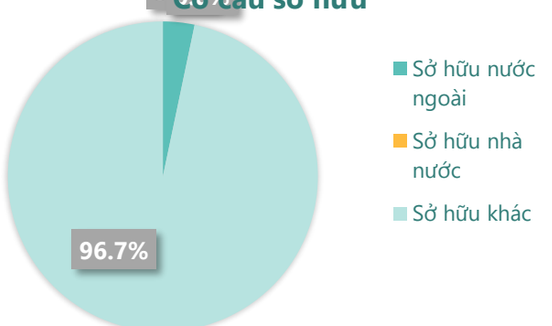
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,946 - 5,390
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	188
Số lượng CPLH (CP)	46,226,626
KLGD BQ 20 phiên (CP)	157,215
Sở hữu nước ngoài	3.3%
Beta	0.97
EPS	426
P/E	9.5

DT thuần
6T 2025
228
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.0| -6.6%

LN thuần
6T 2025
11.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.0| 209%

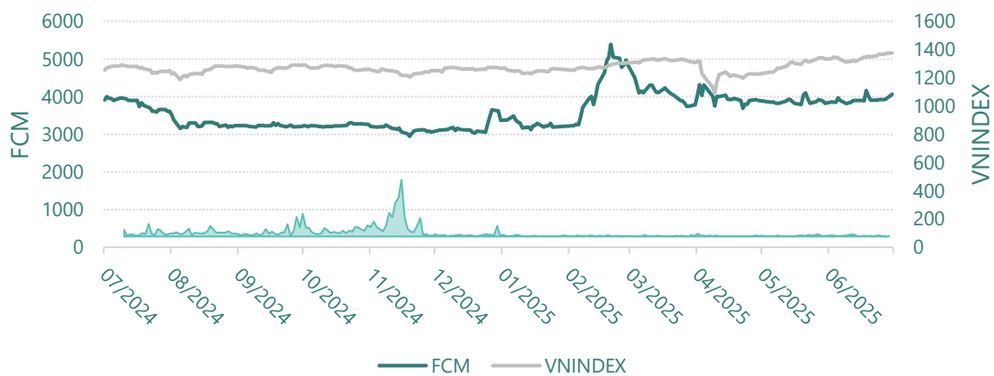
LN sau thuế
6T 2025
8.76
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.7| 188%

Cơ cấu sở hữu

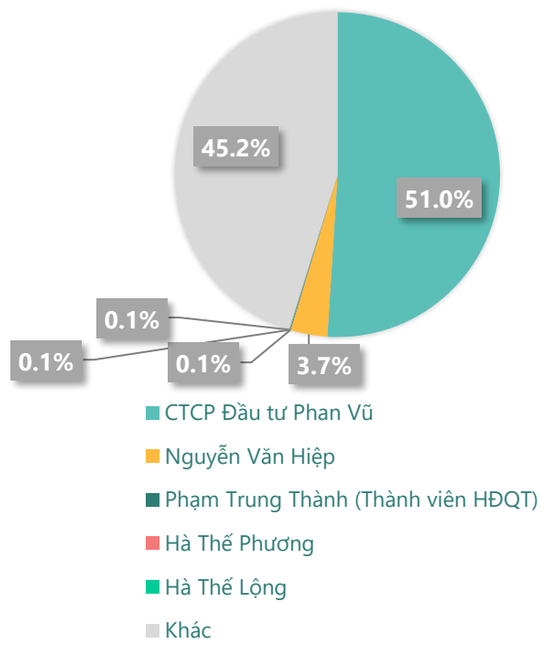


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



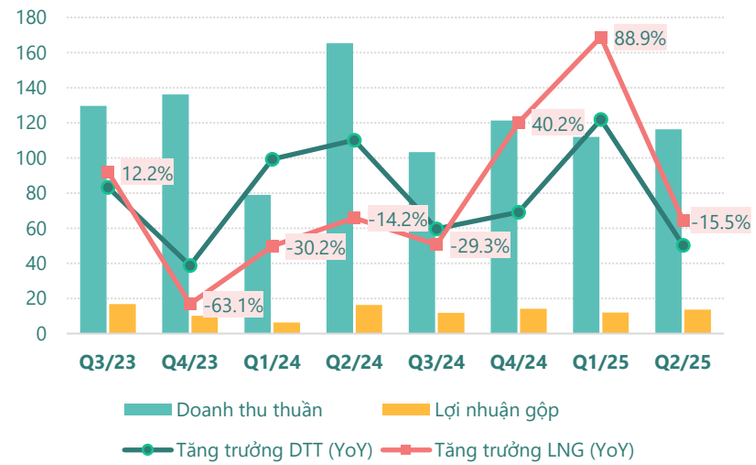
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

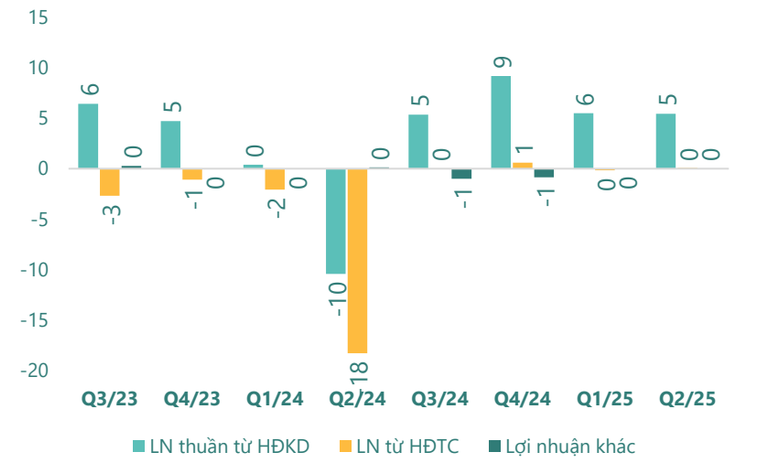
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



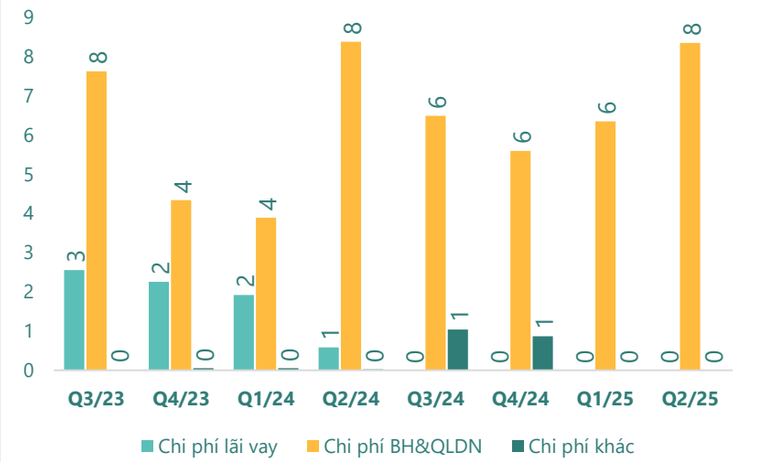
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



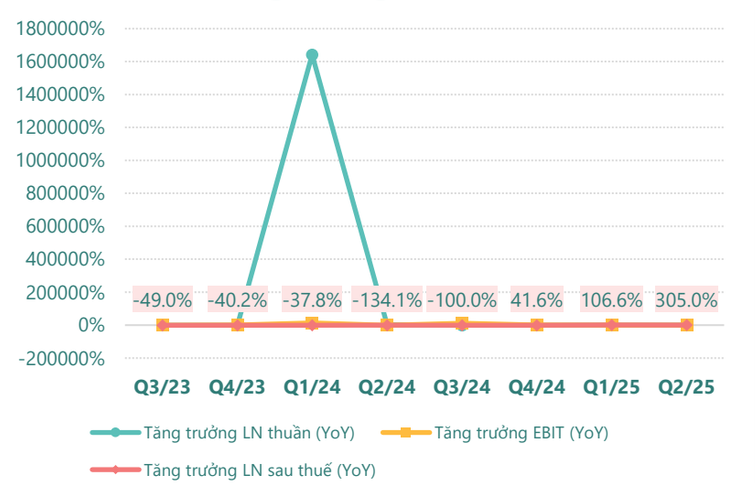
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



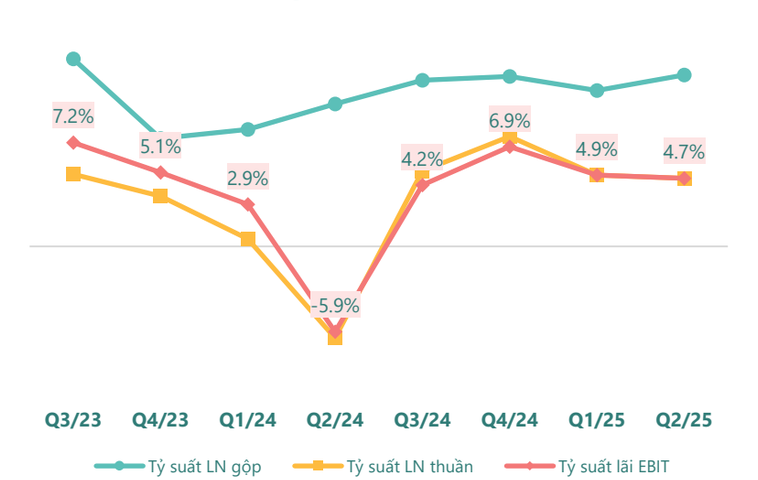
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



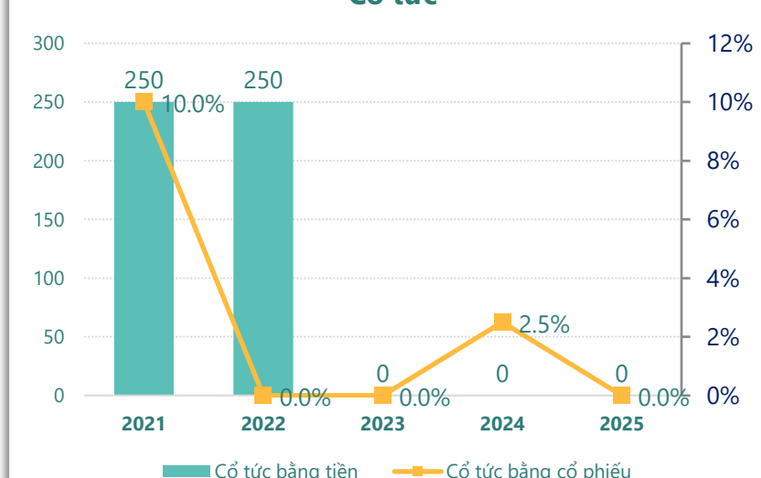
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

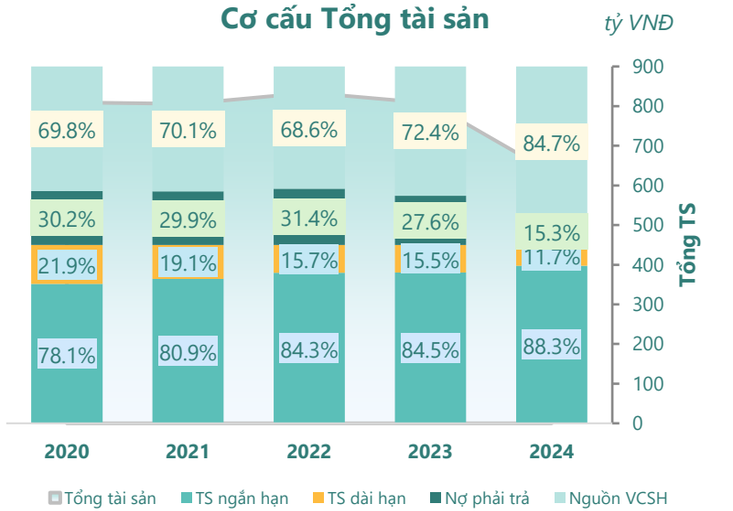
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

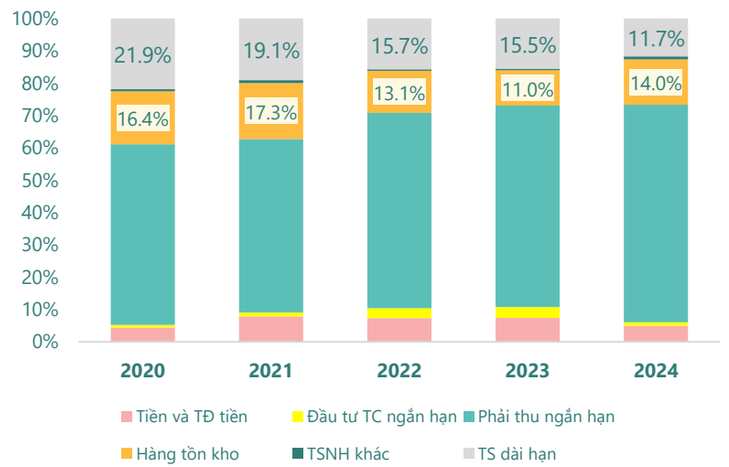
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



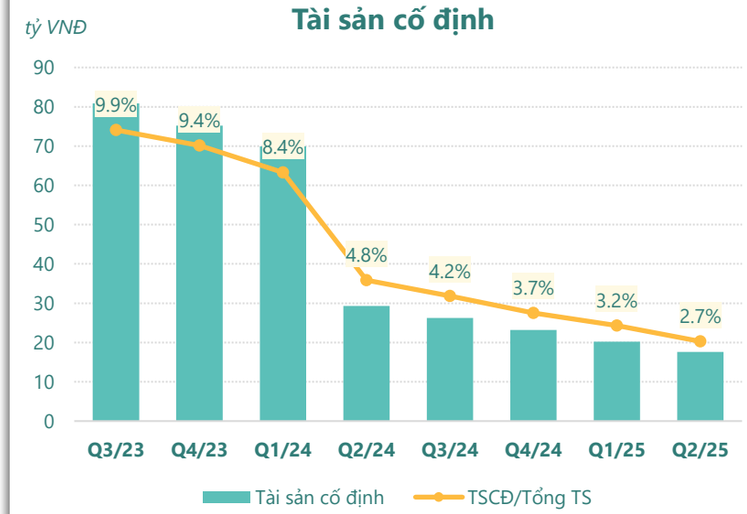
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



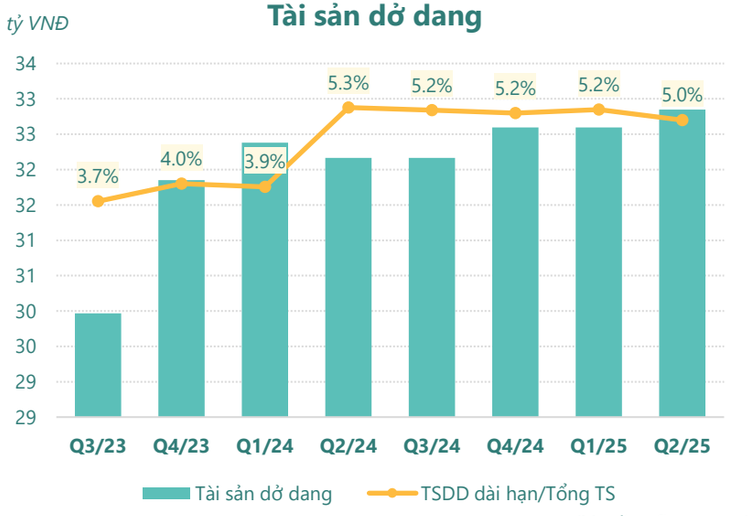
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



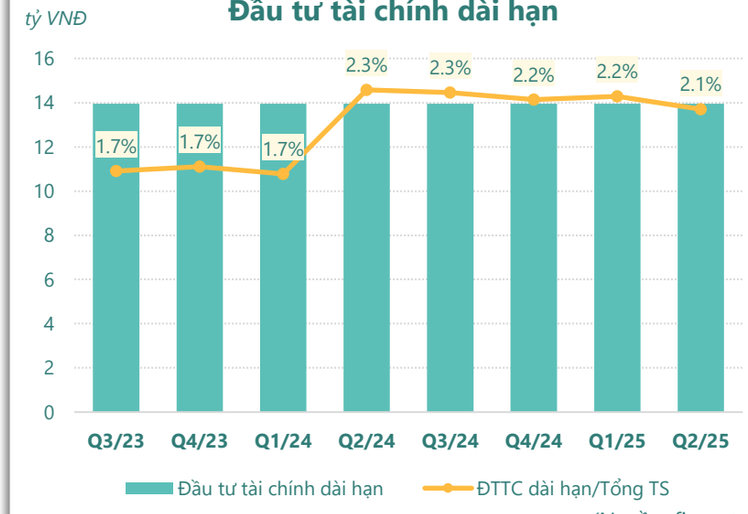
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



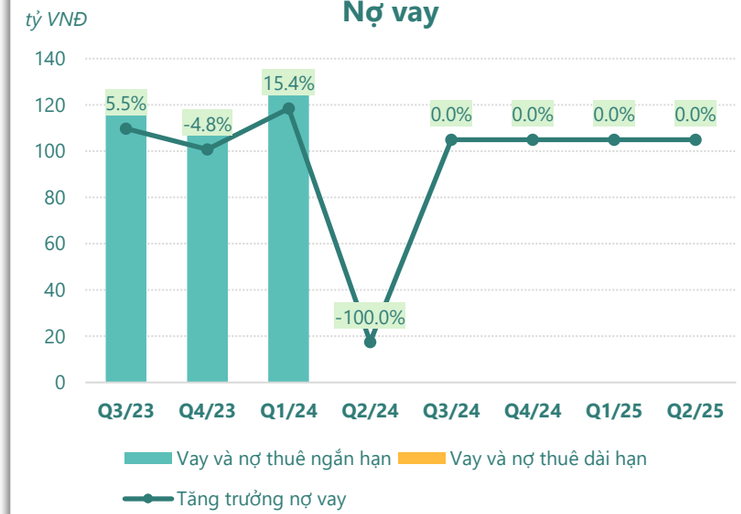
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

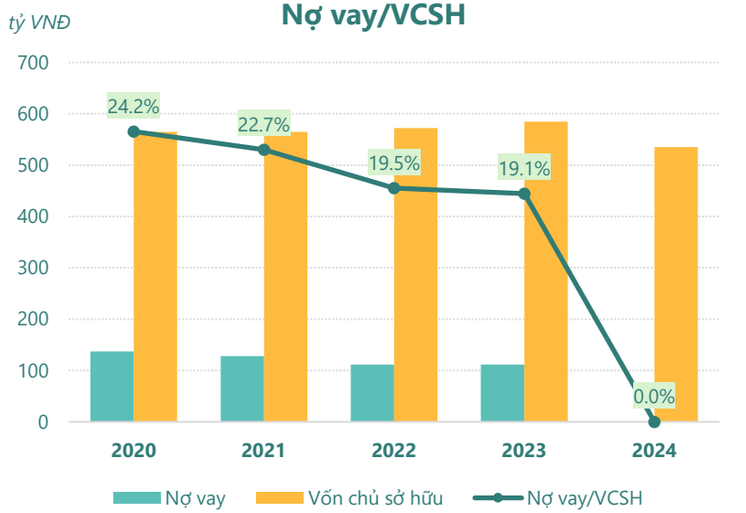
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

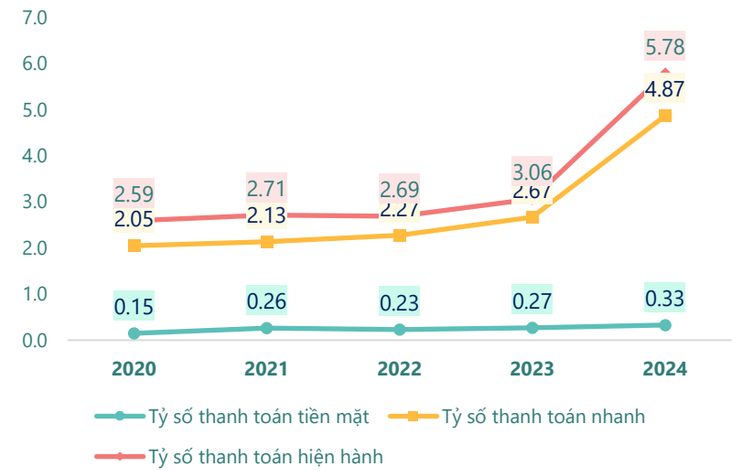
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



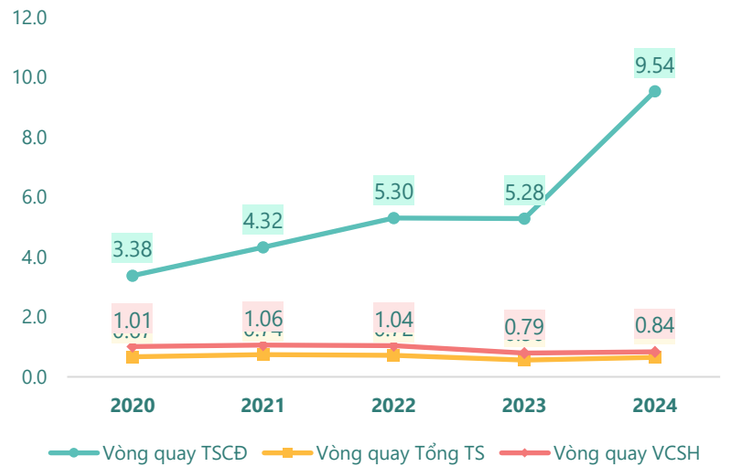
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



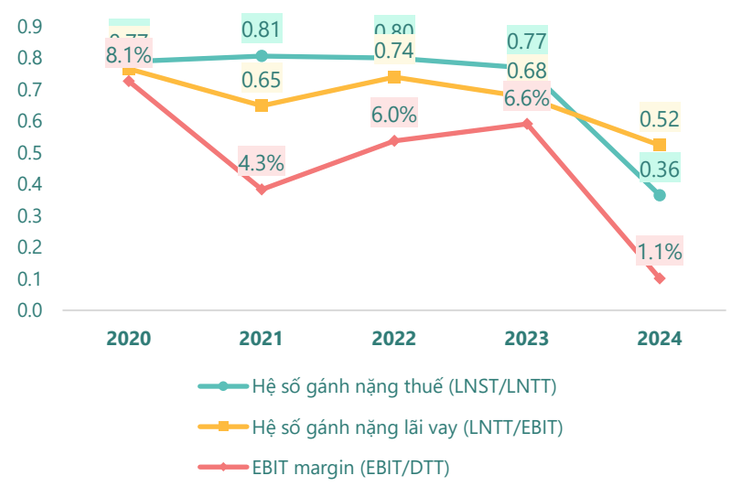
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



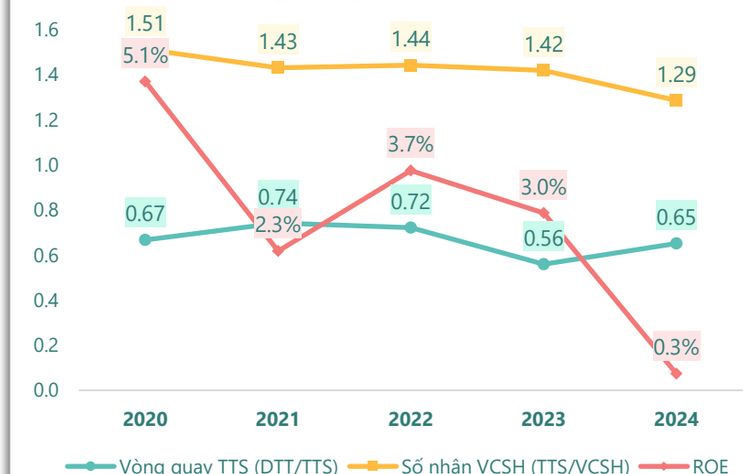
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



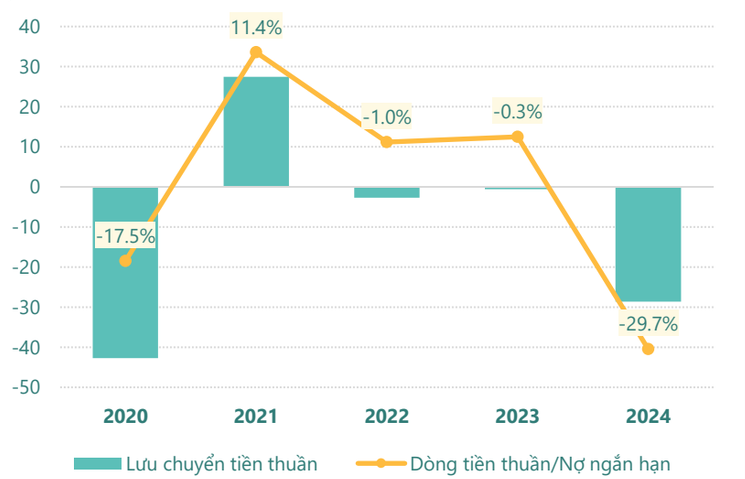
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**116**	**165**	**-29.5%**	**228**	**244**	**-6.6%**
Giá vốn hàng bán	103	149	-31.2%	203	222	-8.6%
Lợi nhuận gộp	13.7	16.2	-15.3%	25.8	22.6	13.9%
Doanh thu HĐTC	0.25	0.33	-25.3%	0.47	0.54	-13.0%
Chi phí TC	0.17	18.6	-99.1%	0.56	20.9	-97.3%
Chi phí lãi vay	0	0.58	-100%	0	2.50	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.39	-100%	0	0.66	-100%
Chi phí QLDN	**8.35**	**7.99**	**4.6%**	**14.7**	**11.6**	**26.6%**
LN thuần từ HĐKD	5.45	-10.4	152%	11.0	-10.0	209%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.14**	**-100%**	**0.00**	**0.09**	**-100%**
LN trước thuế	5.45	-10.3	153%	11.0	-9.94	210%
Lợi nhuận sau thuế	**4.36**	**-9.77**	**145%**	**8.76**	**-9.94**	**188%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.36**	**-10.4**	**142%**	**8.76**	**-9.41**	**193%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-41.5	133	2.35	-18.0	12.4	-2.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.68	-4.20	0.65	-0.12	0.23	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	17.1	-119	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	60.3	36.5	46.8	49.8	31.6	44.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-23.7**	**10.2**	**3.00**	**-18.1**	**12.6**	**-2.52**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	36.5	46.8	49.8	31.6	44.2	41.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**652**	**632**	**3.2%**
Tài sản ngắn hạn	583	558	4.5%
Tiền và tương đương tiền	41.7	31.6	31.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.60	6.60	0.0%
Phải thu ngắn hạn	428	425	0.7%
Hàng tồn kho	101	88.5	14.0%
Tài sản ngắn hạn khác	5.37	5.76	-6.8%
Tài sản dài hạn	**69.1**	**74.1**	**-6.7%**
Phải thu dài hạn	2.52	2.52	0.0%
Tài sản cố định	17.6	23.2	-24.0%
Bất động sản đầu tư	0.86	0.86	0.0%
Tài sản dở dang	32.8	32.6	0.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.0	14.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.32**	**0.96**	**37.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	108	96.7	11.7%
Nợ ngắn hạn	**108**	**96.4**	**11.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	88.8	77.4	14.7%
Nợ dài hạn	0.27	0.29	-4.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**544**	**535**	**1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**544**	**535**	**1.6%**
Vốn điều lệ	462	462	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)